

QUYẾT ĐỊNH

Điều chỉnh một số thông tin về hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình, hộ mới thoát nghèo, thoát cận nghèo được phê duyệt tại các Quyết định của UBND xã: Số 669/QĐ-UBND ngày 31/12/2025; Số 720/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 trên địa bàn xã Tả Lèng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TẢ LÈNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025; Nghị định số 30/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 07/2021/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18 tháng 7 năm 2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo; Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH;

Căn cứ Thông tư số 13/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn và lĩnh vực giảm nghèo;

Căn cứ Văn bản số 24/VBHN-BNNMT ngày 30 tháng 7 năm 2025 hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo;

Căn cứ Quyết định số 669/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND xã về việc phê duyệt danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình; Quyết định số 720/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND xã về việc phê duyệt danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trên địa bàn xã Tả Lèng năm 2026;

Xét Tờ trình số 49/TTr-TTĐVTH ngày 05/2/2026 của Trung tâm Dịch vụ tổng hợp về việc đề nghị điều chỉnh một số thông tin về hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình, hộ mới thoát nghèo, thoát cận nghèo được phê duyệt tại Quyết định số 669/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 và Quyết định số 720/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND xã trên địa bàn xã Tả Lềng năm 2026,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh một số thông tin về hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình, hộ mới thoát nghèo, thoát cận nghèo được phê duyệt tại các Quyết định của UBND xã: Số 669/QĐ-UBND ngày 31/12/2025; Số 720/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 trên địa bàn xã Tả Lềng, như sau:

(Chi tiết tại danh sách kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Các nội dung không thuộc phạm vi điều chỉnh tại Điều 1 của Quyết định này thì vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành theo Quyết định số 669/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 và Quyết định số 720/QĐ-UBND ngày 31/12/2025. Các nội dung điều chỉnh tại Quyết định này là cơ sở để thực hiện các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội và phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 trên địa bàn xã.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng các phòng: Kinh tế, Văn hóa – xã hội; Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị có liên quan và các hộ có tên trong danh sách kèm theo Quyết định này chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, PCT UBND xã;
- Các cơ quan, đơn vị có liên quan;
- Lưu: VT.



Phong Vĩnh Cường

BIÊN BẢN HỢP
 Danh sách điều chỉnh một số thông tin về hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình, hộ mới thoát nghèo, thoát cận nghèo được phê duyệt tại
 các Quyết định của UBND xã: Số 669/QĐ-UBND ngày 31/12/2025; Số 722/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 trên địa bàn xã Tả Lèng

(Kèm theo Quyết định số 74/QĐ-UBND ngày 02/2/2026 của UBND xã Tả Lèng)

Quyết định số 669/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND xã Tả Lèng															Thông tin sau điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 669/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND xã														
STT (Theo QĐ)	Họ và tên chủ hộ	Số CCCD/Mã số định danh cá nhân chủ hộ	Dân tộc	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Số Khẩu	Ngày, tháng, năm sinh	Địa chỉ	Họ và tên chủ hộ	Số CCCD/Mã số định danh cá nhân chủ hộ	Dân tộc	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Số Khẩu	Ngày, tháng, năm sinh	Địa chỉ															
2	Tần Thị Hằng	012184003960	Dao	2	3	05/12/1984	Bản Đội 4	Tần Thị Hằng	012184003960	Dao	2	3	12/05/1984	Bản Đội 4															
3	Tần A Goong	012097004035	Dao	1	7	06/02/1997	Bản Đội 4	Tần A Goong	012097004035	Dao	1	7	02/06/1997	Bản Đội 4															
7	Phản Thị Gôn	012085004110	Dao	2	4	13/07/1985	Bản Tả Chải	Phản Thị Gôn	012185004110	Dao	2	4	13/07/1985	Bản Tả Chải															
11	Phản A Ngỏ	012067000355	Dao	2	4	20/07/1967	Bản Tả Chải	Phản A Ngỏ	012067003555	Dao	1	4	20/07/1967	Bản Tả Chải															
15	Phản A Pao	012059002471	Dao	1	8	01/1/1959	Bản Tả Chải	Phản A Pao	012059002471	Dao	1	8	23/8/1959	Bản Tả Chải															
29	Phản A Nao	012063000384	Dao	1	3	02/9/1963	Bản Phô Hồ Thầu	Phản A Nao	012063000384	Dao	1	3	09/02/1963	Bản Phô Hồ Thầu															
30	Lù Thị Tuấn	012150000157	Dao	2	1	10/12/1950	Bản Phô Hồ Thầu	Lù Thị Tuấn	012150000157	Dao	2	1	10/12/1950	Bản Phô Hồ Thầu															
31	Lù Thị Sâm B	012083001362	Dao	2	4	1983	Bản Phô Hồ Thầu	Lù Thị Sâm B	012183001362	Dao	2	4	10/10/1983	Bản Phô Hồ Thầu															
32	Lù A Páo A	012082005693	Dao	1	5	1982	Bản Phô Hồ Thầu	Lù A Páo A	012082005698	Dao	1	5	14/03/1982	Bản Phô Hồ Thầu															
36	Lý A Giao	012172002947	Dao	1	5	24/11/1972	Bản Phô Hồ Thầu	Lý A Giao	012072002947	Dao	1	5	24/11/1972	Bản Phô Hồ Thầu															
45	Lý A Lụ	012069001859	Dao	2	4	01/01/1969	Bản Gia Khẩu	Lý A Lụ	012069002859	Dao	1	4	01/01/1969	Bản Gia Khẩu															
54	Lù A Chang	012080000697	Dao	1	4	01/01/1981	Bản Nhiều Sang	Lù A Chang	012080000697	Dao	1	4	01/01/1980	Bản Nhiều Sang															
62	Phản A Tồn	012077000654	Dao	1	5	05/11/1977	Bản Nhiều Sang	Phản A Tồn	012077000651	Dao	1	5	05/11/1977	Bản Nhiều Sang															
66	Phản Thị Sảo (Nao)	012182004499	Dao	1	4	1983	Bản Nhiều Sang	Phản Thị Sảo (Nao)	012182004494	Dao	2	4	25/5/1982	Bản Nhiều Sang															
86	Phản Thị PLái	012192004125	Dao	2	4	1971	Bản Sĩ Thầu Chải	Phản Thị PLái	012171004125	Dao	2	4	16/5/1971	Bản Sĩ Thầu Chải															
88	Phản A Páo B	012095004587	Dao	1	4	1994	Bản Sĩ Thầu Chải	Phản A Páo B	012095004587	Dao	1	4	09/9/1995	Bản Sĩ Thầu Chải															
97	Phản Văn Thoan	012096600625	Dao	1	3	02/4/1996	Bản Rừng Ồi Khèo Thầu	Phản Văn Thoan	012096000625	Dao	1	3	02/01/1996	Bản Rừng Ồi Khèo Thầu															
99	Chảo A Sinh	012091000822	Dao	2	5	17/10/1991	Bản Rừng Ồi Khèo Thầu	Chảo A Sinh	012091000822	Dao	1	5	04/10/1991	Bản Rừng Ồi Khèo Thầu															
100	Chảo A Nải	012073006620	Dao	2	6	14/02/1973	Bản Rừng Ồi Khèo Thầu	Chảo A Nải	012073000662	Dao	1	6	02/04/1973	Bản Rừng Ồi Khèo Thầu															
106	Lù Thị Dào	012163002547	Dao	2	6	28/8/1963	Bản Rừng Ồi Khèo Thầu	Lù Thị Dào	012163002547	Dao	2	6	28/12/1963	Bản Rừng Ồi Khèo Thầu															
110	Phản Thị Sâm	012171000373	Dao	2	4	23/01/1971	Bản Rừng Ồi Khèo Thầu	Phản Thị Sâm	012171000575	Dao	2	4	23/01/1971	Bản Rừng Ồi Khèo Thầu															
126	Tần Thị Hoàng (Giao)	012198001198	Dao	2	4	1986	Bản Chù Lin	Tần Thị Hoàng (Giao)	012186001189	Dao	2	4	10/10/1986	Bản Chù Lin															
138	Giàng A Dơ	012092001033	Mông	1	4	03/01/1992	Bản Bãi Bằng	Giàng A Dơ	012092001033	Mông	1	4	01/03/1992	Bản Bãi Bằng															
140	Vàng A Lâu	012088001067	Mông	1	3	11/10/1988	Bản Bãi Bằng	Vàng A Lâu	012088001067	Mông	1	3	10/11/1988	Bản Bãi Bằng															
169	Giàng A Ly	012095000809	Mông	2	3	05/12/1995	Bản Ngải Chù	Giàng A Ly	012095000809	Mông	1	3	12/05/1995	Bản Ngải Chù															
172	Giàng A Là B	012099001126	Mông	1	6	08/10/1999	Bản Ngải Chù	Giàng A Lẻ	012099001126	Mông	1	6	10/08/1999	Bản Ngải Chù															

STT (Theo QĐ)	Họ và tên chủ hộ	Số CCCD/Mã số định danh cá nhân chủ hộ	Dân tộc	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Số Khẩu	Ngày, tháng, năm sinh	Địa chỉ	Họ và tên chủ hộ	Số CCCD/Mã số định danh cá nhân chủ hộ	Dân tộc	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Số Khẩu	Ngày, tháng, năm sinh	Địa chỉ
183	Sùng A Ghênh	012202005183	Mông	1	5	25/02/2002	Bản Mào Phô	Sùng A Ghênh	012202005183	Mông	1	5	25/09/2002	Bản Mào Phô
190	Giàng A Cu B	012092001037	Dao	1	5	10/05/1992	Bản Giang Ma	Giàng A Cu B	012092001037	Dao	1	5	05/10/1992	Bản Giang Ma
195	Giàng A Su B	012090001299	Mông	1	4	15/01/1990	Bản Giang Ma	Giàng A Su B	012090001249	Mông	1	4	15/01/1990	Bản Giang Ma
211	Giàng A Di	012087001019	Mông	1	8	15/10/1987	Bản Thèn Pá	Giàng A Di	012087001019	Mông	1	8	15/10/1987	Bản Thèn Pá
226	Giàng A Tứ	012095005815	Mông	1	4	07/10/1995	Bản Thèn Pá	Giàng A Tứ	012095005815	Mông	1	4	10/07/1995	Bản Thèn Pá
228	Hằng A Su	012075000968	Mông	1	5	07/11/1975	Bản Tả Lềng Lao Chải	Hằng A Su	012075000968	Mông	1	5	11/7/1975	Bản Tả Lềng Lao Chải
233	Sùng A Sinh	012093005125	Mông	2	4	03/5/1993	Bản Tả Lềng Lao Chải	Sùng A Sinh	012093005125	Mông	1	4	05/3/1993	Bản Tả Lềng Lao Chải
236	Giàng A Xả	012205003126	Mông	1	4	01/02/2005	Bản Tả Lềng Lao Chải	Giàng A Xả	012205003126	Mông	1	4	02/01/2005	Bản Tả Lềng Lao Chải
245	Lý Xuân Tam	012084005780	Dao	1	6	01/02/1984	Bản San Tra Mán	Lý Xuân Tam	012084005780	Dao	1	6	02/01/1984	Bản San Tra Mán
254	Vàng A Lùng	012096005403	Mông	2	4	05/12/1996	Bản Pho Lao Chải	Vàng A Lùng	012096005403	Mông	1	4	12/05/1996	Bản Pho Lao Chải
261	Lù A Khoa	012083002205	Mông	1	6	07/01/1983	Bản Pho Xin Chải	Lù A Khoa	012083002205	Mông	1	6	15/07/1983	Bản Pho Xin Chải
264	Ma Thị Cha	012182001103	Mông	2	9	1983	Bản Lùng Than	Ma Thị Cha	012182001103	Mông	2	9	01/01/1982	Bản Lùng Than
265	Lù A Vàng	012049000091	Mông	1	2	03/01/1949	Bản Lùng Than	Lù A Vàng	012049000091	Mông	1	2	01/03/1949	Bản Lùng Than
269	Thào A Lùng	012092000966	Mông	1	6	01/01/1992	Bản Lùng Than	Thào A Lồng	012092000966	Mông	1	6	01/01/1992	Bản Lùng Than
277	Hằng Thị Phan	012167000601	Mông	2	4	10/01/1967	Bản Phìn Ngan Lao Chải	Hằng Thị Phan	012167000601	Mông	2	4	01/10/1967	Bản Phìn Ngan Lao Chải
286	Giàng Thị Đình	012198000860	Mông	2	3	1998	Bản Phìn Ngan Xin Chải	Giàng Thị Đình	012198000800	Mông	2	3	01/01/1998	Bản Phìn Ngan Xin Chải
18	Lù A Páo B	012088005241	Dao	1	4	06/9/1988	Bản Phô Hồ Thầu	Lù A Páo B	012088005241	Dao	1	4	09/6/1988	Bản Phô Hồ Thầu
44	Phản A Liễu	012095000880	Dao	1	7	25/5/1995	Bản Rừng Ồi Khèo Thầu	Phản A Liễu	012095001230	Dao	1	7	21/5/1995	Bản Rừng Ồi Khèo Thầu
49	Châu Thị Lậy	012147000072	Dao	1	2	1949	Bản Chù Lin	Châu Thị Lậy	012147000072	Dao	2	2	20/10/1947	Bản Chù Lin
85	Hằng A Dững	012094000956	Mông	1	4	03/01/1994	Bản Tả Lềng Lao Chải	Hằng A Dững	012094000956	Mông	1	4	01/03/1994	Bản Tả Lềng Lao Chải
91	Sùng A Mang	012066000623	Mông	1	6	09/04/1966	Bản Tả Lềng Lao Chải	Sùng A Mang	012066000623	Mông	1	6	04/09/1966	Bản Tả Lềng Lao Chải
104	Phản Xả Dăm	012172000825	Mông	1	3	01/01/1972	Bản San Tra Mán	Phản Xả Dán	012172000825	Mông	2	3	01/01/1972	Bản San Tra Mán
120	Thào A Lự	012075004303	Mông	1	9	04/02/1975	Bản Lùng Than	Thào A Lự	012075004303	Mông	1	9	02/04/1975	Bản Lùng Than
129	Giàng A Gia	012087003239	Mông	1	4	09/02/1987	Bản Phìn Ngan Lao Chải	Giàng A Gia	012087003239	Mông	1	4	02/09/1987	Bản Phìn Ngan Lao Chải
II	Quyết định số 720/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND xã Tả Lềng							Thông tin sau điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 720/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND xã						
72	Sùng Thị Xi (Mang)		Mông	2	3	1957	Bản Ngải Chù	Sùng Thị Xi (Mang)	012179001015	Mông	2	3	15/8/1979	Bản Ngải Chù